TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 9 – 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bạn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lương Xuân B, sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lương Xuân B kết hôn ngày 30/12/1997 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Lương Xuân B không lo làm ăn, hay chơi bài bạc, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến tháng 6/2016 anh Lương Xuân B đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, chị Nguyễn Thị Xuân H và gia đình đã đi tìm kiếm anh Lương Xuân B nhiều nơi nhưng cho đến nay không có tin tức gì. Ngày 20/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên bố anh Lương Xuân B mất tích theo Quyết định sơ thẩm việc dân sự số 04/2020/QĐST-VDS. Kể từ đó cho đến nay anh Lương Xuân B vẫn không có tin tức gì. Nay chị Nguyễn Thị Xuân H xác định không còn tình cảm với anh Lương Xuân B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Xuân B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lương Xuân B có 02 con chung là Lương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/4/2000 và Lương Nguyễn Huệ C, sinh ngày 28/9/2003 hiện chị Nguyễn Thị Xuân H đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Xuân H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Nguyễn huệ C cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với cháu Lương Nguyễn Thanh T đã trưởng thành, phát triển B thường, tự nuôi sống được bản thân do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Lương Xuân B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lương Xuân B vắng mặt không tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 98; các Điều 171 đến Điều 177; Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân H. Chị Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với anh Lương Xuân B.

Về con chung: Giao cháu Lương Nguyễn Huệ C, sinh ngày 28/9/2003 cho chị Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Lương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/4/2000 đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Xuân H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung giữa chị với anh Lương Xuân B. Đây là quan hệ "Tranh chấp ly hôn và nuôi con". Bị đơn anh Lương Xuân B có địa chỉ tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lương Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/12/1997 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Lương Xuân B không lo làm ăn, hay chơi bài bạc, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến tháng 6/2016 anh Lương Xuân B đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, chị Nguyễn Thị Xuân H và gia đình đã đi tìm kiếm anh Lương Xuân B nhiều nơi nhưng cho đến nay không có tin tức gì. Ngày 20/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên bố anh Lương Xuân B mất tích theo Quyết định sơ thẩm việc dân sự số 04/2020/QĐST-VDS. Kể từ đó cho đến nay anh Lương Xuân B vẫn không có tin tức gì. Nay chị Nguyễn Thị Xuân H xác định không còn tình cảm với anh Lương Xuân B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Xuân B là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lương Xuân B có 02 con chung là Lương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/4/2000 và Lương Nguyễn Huệ C, sinh ngày 28/9/2003. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Xuân H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Nguyễn Huệ C cho đến khi đủ 18 tuổi, đồng thời cháu Lương Nguyễn Huệ C có nguyện vọng ở với chị Nguyễn Thị Xuân H.

Xét thấy nguyện vọng của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, giao cháu Lương Nguyễn Huệ C cho chị Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Lương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/4/2000 đã trưởng thành, phát triển B thường, tự nuôi sống được bản thân do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Xuân H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với anh Lương Xuân B.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Nguyễn Huệ C, sinh ngày 28/9/2003 cho chị Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Lương Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/4/2000 đã trưởng thành, phát triển B thường, tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Lương Xuân B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H xác định không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị Nguyễn Thị Xuân H đã nộp (Ông Nguyễn Hữu T nộp thay) theo biên lai số AA/2019/0008247 ngày 29/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk ;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đại Minh